

Quản lý xã hội ở các khu công nghiệp Việt Nam hiện nay: vấn đề và giải pháp

Hoàng Bá Thịnh¹, Hoàng Nguyễn Từ Khiêm²

^{1,2} Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Email: thinhhoangba@yahoo.co.uk

Nhận ngày 29 tháng 6 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 7 năm 2020.

Tóm tắt: Phát triển các khu công nghiệp (KCN) là xu thế tất yếu trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Bên cạnh những tác động tích cực về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển công nghiệp địa phương và tạo công ăn việc làm cho hàng triệu lao động, thì các KCN cũng nảy sinh nhiều vấn đề về đời sống xã hội, như: tranh chấp lao động, đình công, ô nhiễm môi trường, tệ nạn xã hội, nhà ở cho công nhân, công trình xã hội, văn hóa, thể thao... cho người lao động ở KCN. Từ góc độ quản lý xã hội, bài viết đề cập đến một số vấn đề xã hội cần quan tâm ở KCN, đó là: tranh chấp lao động, đình công; ô nhiễm môi trường; tội phạm và tệ nạn xã hội.

Từ khóa: Khu công nghiệp, quản lý xã hội, vấn đề đời sống xã hội.

Phân loại ngành: Xã hội học

Abstract: Development of industrial zones is an irreversible trend in the process of industrialisation and modernisation. In addition to the positive impacts regarding economic restructuring, local industrial development and job creation for millions of workers, in the zones also have been arising various issues in the social aspect, such as labour disputes, strikes, environmental pollution, social evils, housing for workers, and construction works of social, cultural and sports activities... for workers there. From the perspective of social management, the article mentions a number of social issues that need to be addressed in the zones, namely labour disputes, strikes, environmental pollution, crimes and social evils.

Keywords: Industrial zone, social management, issues in the social aspect.

Subject classification: Sociology

1. Mở đầu

KCN là khu chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện các dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, có ranh giới địa lý xác định, được thành lập theo điều kiện, trình tự và thủ tục quy định. Một số đặc điểm của KCN, như: i) KCN là khu vực được quy hoạch trên một khu đất nhất định có phạm vi ảnh hưởng kinh tế - xã hội đối với địa phương và các vùng phụ cận; ii) KCN là khu vực được quy hoạch riêng nhằm mời gọi các nhà đầu tư trong, ngoài nước thực hiện sản xuất và chế biến sản phẩm công nghiệp cũng như hoạt động hỗ trợ, dịch vụ cho sản xuất công nghiệp; iii) Sản phẩm của các doanh nghiệp trong KCN có thể tiêu thụ ở nội địa hoặc xuất khẩu. Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020 của Đảng nhấn mạnh: “Phát huy hiệu quả của các khu, cụm công nghiệp và đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hình thức cụm, nhóm sản phẩm tạo thành các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn và hiệu quả cao” [5]. Chủ trương này đã, đang và sẽ chi phối, tác động đến quá trình phát triển các KCN, cụm công nghiệp (CCN) của các địa phương trong cả nước. Tuy vậy, phát triển các KCN, CCN cũng đặt ra nhiều vấn đề về quản lý xã hội. Bài viết này phân tích những vấn đề xã hội ở KCN và giải pháp tăng cường quản lý xã hội ở KCN.

2. Những vấn đề xã hội ở khu công nghiệp

2.1. Tranh chấp lao động, đình công

Tranh chấp lao động là tranh chấp về quyền và nghĩa vụ, lợi ích phát sinh giữa các bên

trong quá trình xác lập, thực hiện hoặc chấm dứt quan hệ lao động; tranh chấp giữa các tổ chức đại diện người lao động với nhau; tranh chấp phát sinh từ quan hệ có liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động [8].

Theo báo cáo của Tòa án nhân dân tối cao, trong 5 năm (2012-2016), tòa án các cấp đã xét xử sơ thẩm 24.854 vụ tranh chấp lao động (bình quân mỗi năm xét xử 4970 vụ), số vụ tranh chấp giải quyết tại tòa năm sau cao hơn năm trước, bình quân mỗi năm tăng hơn 1.000 vụ (năm 2012: 3.124 vụ; năm 2013: 4.037 vụ; năm 2014: 5.167 vụ; năm 2015 là 5.680 vụ; năm 2016 là 6.846 vụ). Trong đó, số vụ tranh chấp về bảo hiểm xã hội chiếm tỷ lệ 43%; số vụ tranh chấp về xử lý kỷ luật, sa thải, đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, bồi thường thiệt hại chiếm tỷ lệ 19%; số vụ tranh chấp liên quan đến việc làm, tiền lương chiếm 21% tổng số các vụ việc lao động được thụ lý. Trong những năm qua, tranh chấp về thực hiện thỏa ước lao động tập thể và tranh chấp về quyền thành lập, gia nhập hoạt động công đoàn là rất nhỏ, chỉ có 09 vụ việc/24.854 vụ việc được thụ lý giải quyết tại cấp sơ thẩm, chiếm tỷ lệ 0,04% [2].

Đình công là sự ngừng việc tạm thời, tự nguyện và có tổ chức của người lao động nhằm đạt được yêu cầu trong quá trình giải quyết tranh chấp lao động và do tổ chức đại diện người lao động có quyền thương lượng tập thể là một bên tranh chấp lao động tập thể tổ chức và lãnh đạo [8]. Từ năm 1995 đến 31/12/2016 cả nước đã xảy ra gần 6.000 cuộc đình công, 100% số cuộc đình công xảy ra đều không đúng trình tự quy định của pháp luật, 70% số cuộc đình công xảy ra ở những doanh nghiệp có tổ chức công đoàn. Giai đoạn 2005-2012 có hơn 3.800 cuộc đình công, trong đó số cuộc

đình công ở doanh nghiệp FDI chiếm 78% và doanh nghiệp dân doanh (DNDD) chiếm 21,7%. Giai đoạn 2013-2017 có gần 1.300 cuộc đình công, trong đó trong đó số cuộc đình công ở doanh nghiệp FDI chiếm 72,5% và DNDD chiếm 27,4%. Từ năm 2013 đến nay, số cuộc đình công có xu hướng giảm dần, tính chất, mức độ các cuộc đình công cũng đã có những thay đổi so với năm 2012 trở về trước; tỷ lệ số cuộc đình công trong các doanh nghiệp FDI giảm từ 78% xuống còn 72,5%, ngược lại tỷ trọng số cuộc đình công trong các DNDD tăng từ 21,7% lên 27,4%. Các địa phương có nhiều cuộc đình công trong những năm vừa qua, như: Đồng Nai, Bình Dương, Tây Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh, đang có xu hướng giảm khá nhanh; nhất là từ năm 2013 trở lại đây, trong khi đó lại phát sinh đình công ở một số tỉnh khác như Thừa Thiên Huế, An Giang, Bình Định.

Nguyên nhân các vụ tranh chấp lao động và đình công xuất phát chủ yếu từ quyền và lợi ích của người lao động chưa được bảo đảm. Các chế độ, quyền lợi của người lao động được thực hiện theo quy định của pháp luật hoặc quy định của người sử dụng lao động, chưa xuất phát từ quá trình thương lượng, thỏa thuận, nhất là tiền lương trả chưa tương xứng với thành quả lao động của người lao động [2]. Tranh chấp lao động, đình công không chỉ tạo nên sự xáo trộn xã hội - bất ổn xã hội mà còn gây tổn thất nhiều về kinh tế cho các doanh nghiệp, ảnh hưởng đến đời sống gia đình của người lao động tại các KCN.

2.2. Ô nhiễm môi trường ở khu công nghiệp

KCN là một tác nhân gây ô nhiễm môi trường, mức độ ô nhiễm nhiều hay ít tùy

thuộc vào các doanh nghiệp có xử lý nguồn thải tốt hay không. Các nguồn ô nhiễm chính ở các KCN là chất thải rắn (CTR), nước thải, ô nhiễm không khí và ô nhiễm tiếng ồn. CTR là nguồn ô nhiễm lớn ở các KCN Việt Nam. Lượng CTR đang tăng lên cùng với việc gia tăng tỷ lệ lấp đầy các KCN, nếu như tính trung bình cả nước, năm 2005-2006, một ha đất cho thuê phát sinh CTR khoảng 134 tấn/năm, thì đến năm 2008-2009, con số này đã tăng lên 204 tấn/năm (tăng 50%). Sự gia tăng phát thải trên đơn vị diện tích đã phản ánh sự thay đổi trong cơ cấu sản xuất công nghiệp, xuất hiện các ngành có mức phát thải cao và quy mô ngày càng lớn tại các KCN và dự báo tổng phát thải CTR từ các KCN đến năm 2020 đạt từ 9 đến 13,5 triệu tấn/năm [3]. Ô nhiễm môi trường nước do nước thải từ KCN trong những năm gần đây là rất lớn, tốc độ gia tăng này cao hơn rất nhiều so với tổng nước thải từ các lĩnh vực khác. Tính đến tháng 6/2012, có khoảng 62% các KCN đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, nhưng theo đánh giá chung của Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường PC49, các công trình này dù đã đi vào hoạt động nhưng hiệu quả không cao, dẫn đến tình trạng 75% nước thải KCN thải ra ngoài với lượng ô nhiễm cao.

Theo Bộ Công Thương, đến hết năm 2018, cả nước đã có 689 CCN đi vào hoạt động với tỷ lệ lấp đầy bình quân đạt 58%, trong đó chỉ có 109 CCN có hệ thống xử lý nước thải (XLNT) tập trung đã hoạt động, chiếm 15,8%. Vùng Tây Nguyên có tỷ lệ CCN có hệ thống XLNT tập trung ít nhất (3%), nhiều nhất là vùng Đông Nam Bộ (43%). Trong số 251 KCN đã đi vào hoạt động, có 221 KCN đã có hệ thống XLNT tập trung hoàn chỉnh và đi vào vận hành, với công suất đạt hơn 950 nghìn m³/ngày đêm.

Mỗi ngành công nghiệp có đặc trưng nước thải khác nhau về lượng phát sinh, thành phần và nồng độ các chất gây ô nhiễm, phụ thuộc vào từng loại hình sản xuất công nghiệp, công nghệ sản xuất, tuổi thọ của máy móc và trình độ quản lý của của cơ sở sản xuất và của công nhân. Đối với ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, thủy hải sản, sản xuất giấy, nước thải thường chứa nhiều các chất ô nhiễm hữu cơ, trong khi nước thải của các ngành luyện kim, gia công kim loại, khai khoáng thường chứa nhiều các chất ô nhiễm vô cơ. Nước thải từ các thiết bị lọc bụi và bãi thải xỉ có

lưu lượng và hàm lượng cặn lơ lửng (bụi than) rất lớn. Nước thải từ các khu vực sản xuất, xưởng cơ khí, từ quá trình rửa thiết bị thường có chứa dầu, mỡ, cặn và trong trường hợp rửa lò hơi có thể chứa cả axit, kiềm, các chất rắn lơ lửng và một số ion kim loại với tổng lượng lên tới vài trăm $\text{m}^3/\text{ngày}$. Nước thải, CTR từ hoạt động khai thác khoáng sản, đặc biệt là bùn đỏ từ các mỏ bauxite, chứa hàm lượng cao các chất kiềm, kim loại. Nước thải và nước chảy tràn từ các mỏ đa kim chứa hàm lượng lớn các kim loại nặng [3].

Hộp 1. Thiệt hại thủy sản do ô nhiễm nước tại sông La Ngà

Tháng 5 năm 2018, trên sông La Ngà xuất hiện hiện tượng cá chết trắng trong các lồng bè của người dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Theo con số thống kê có 70 hộ nuôi cá tại hai xã La Ngà và Phú Ngọc bị thiệt hại với số lượng cá chết khoảng 1.500 tấn, chủ yếu là cá điêu hồng, cá lăng, cá chép và cá mè. Kết quả kiểm tra tại chỗ ở các điểm cho thấy hàm lượng oxy hòa tan thấp, dao động trong khoảng 2,6-3,2 mg/lít (hàm lượng oxy hòa tan tối ưu khuyến cáo cho đối tượng nuôi từ 4 mg/lít trở lên). Các chỉ số kết quả cho thấy hàm lượng NH_4 vượt mức giới hạn cho phép của cá nuôi từ 5,6-11 lần, hàm lượng NO_2 vượt giới hạn cho phép 10-20 lần. Bên cạnh đó, trước khi cá chết hàng loạt, trên địa bàn xảy ra mưa lớn kéo dài hơn 7 tiếng, tình trạng này có thể mang lượng nước chảy về cuốn theo các chất ô nhiễm khác làm tăng tính độc của một số khí như NH_3 , H_2S , CH_4 , NO_2 ... dẫn đến hiện tượng cá bị sốc, chết hàng loạt [9].

Ô nhiễm do nước thải công nghiệp kết hợp với nước thải đô thị đã gây ô nhiễm nghiêm trọng cho nhiều kênh rạch ở vùng ven Thành phố Hồ Chí Minh, như: Tham Lương, Ba Bò, Thầy Cai, An Hạ... Nhiều doanh nghiệp dùng các thủ đoạn xây dựng hệ thống ngầm kiên cố xả thẳng ra sông, rạch, chẳng hạn như công ty Hào Dương, Phạm Thu, Tường Trung, Tân Nhật Dũng tại Thành phố Hồ Chí Minh, hoặc lợi dụng thủy triều lên xuống để pha loãng nước thải chưa qua xử lý đưa ra môi trường như công ty

cổ phần Sonadezi Long Thành - Đồng Nai. Đặc biệt là sự cố môi trường như Công ty Vedan (Đài Loan) đã bơm xả trực tiếp một lượng lớn dịch thải sau lên men với nồng độ các chất ô nhiễm rất cao ra sông Thị Vải, gây ô nhiễm sông Thị Vải, trên một phạm vi rộng. Điển hình là sự cố môi trường Formosa, Hà Tĩnh (2016) ảnh hưởng đến các tỉnh miền Trung khác như Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế. Kết quả nghiên cứu đã khẳng định độc tố hóa học (phenol, xyanua...) là nguyên nhân gây

hải sản chết hàng loạt tại 4 tỉnh miền Trung vừa qua. Các kết quả thí nghiệm mô phỏng, phân tích ảnh vệ tinh, kiểm toán chất thải và những mẫu vật thu được tại hiện trường chứng minh đã có một nguồn thải lớn từ khu vực Vũng Áng (Hà Tĩnh) có chứa các hạt keo sắt dưới dạng mixel hấp phụ các độc tố như phenol, xyanua, kim loại nặng, hydrocacbon thơm đa vòng... di chuyển theo dòng hải lưu đã gây nên cá chết hàng loạt. Sự cố ô nhiễm môi trường Formosa đã gây nên những tổn thất vô cùng nặng nề. Trong báo cáo của Chính phủ đã thẳng thắn công bố chi tiết những thiệt hại cả kinh tế và xã hội việc hải sản chết hàng loạt. Về kinh tế, riêng số hải sản chết dạt vào bờ được đánh giá khoảng 100 tấn. Tuy nhiên, về lâu dài, do các rạn san hô, phù du sinh vật cũng chết, nên có nguy cơ làm gián đoạn chuỗi thức ăn biển, khiến suy giảm đa dạng sinh học và nguồn lợi thủy sản khu vực, ảnh hưởng đến sinh kế lâu dài của dân. Hệ sinh thái biển bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Chính phủ xác định có tới trên 17.600 tàu cá và gần 41.000 người đã bị ảnh hưởng trực tiếp. Trên 176.000 người phụ thuộc bị ảnh hưởng theo. Do không thể đánh bắt trong phạm vi từ bờ đến 20 hải lý, có tới 90% tàu lắp máy công suất thấp và gần 4.000 tàu không lắp máy đã phải nằm bờ. Sản lượng khai thác ven bờ thiệt hại khoảng 1.600 tấn/tháng. Với hoạt động nuôi trồng thủy sản, diện tích nuôi tôm bị chết hoàn toàn là 5,7 ha tương đương 9 triệu tôm giống và khoảng 7 tấn tôm thương phẩm sắp đến kỳ thu hoạch, có 1.613 lồng nuôi cá bị chết (khoảng 30.000 m³), tương đương 140 tấn cá; 6,7 ha nuôi ngao bị chết, tương đương 67 tấn. Hoạt động du lịch thì không chỉ gây thiệt hại cho doanh nghiệp ở 4 tỉnh

miền Trung, vì theo Chính phủ, nhiều doanh nghiệp du lịch ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh cũng bị thiệt hại khi khách dự định đến 4 tỉnh miền Trung hủy tour, khiến công suất sử dụng phòng tại bốn tỉnh trên mất 40-50%. Riêng Hà Tĩnh sau sự cố, công suất phòng khách sạn chỉ còn 10-20%. Về xã hội, Chính phủ thừa nhận sự việc đã khiến giảm lòng tin của các tầng lớp nhân dân. Người dân nghi vấn về quá trình thẩm định, phê duyệt đầu tư; giảm cả lòng tin về khả năng của các cơ quan chức năng trong ứng phó các tình huống khẩn cấp về môi trường. Một bộ phận không còn tin vào sự an toàn của cá biển và các sản phẩm liên quan như nước mắm, rong tảo... Sự việc còn tiềm ẩn nguy cơ an ninh khi nhân dân lo lắng về sinh kế, thất nghiệp, thậm chí nợ nần, phá sản do không tiêu thụ được hải sản. Phải mất nhiều thời gian mới có thể khắc phục hết được hậu quả của sự cố môi trường do Formosa gây ra.

2.3. An ninh trật tự, tệ nạn xã hội

Theo số liệu do Bộ Công an và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam phối hợp điều tra, khảo sát, số lượng công nhân tập trung tại các KCN, khu chế xuất là rất lớn. Tỉnh Thái Nguyên là 200 nghìn người, tỉnh Vĩnh Phúc 78 nghìn người, Bắc Ninh trên 247 nghìn người, Hải Dương 217 nghìn người, Hải Phòng 500 nghìn người. Lứa tuổi trung bình từ 18-25 tuổi, trên 60% là nữ, trong số đó có 30-40% công nhân ngoại trú [6]. Đến năm 2012, các KCN Đồng Nai đã giải quyết việc làm cho 412.000 lao động, trong đó có 231.867 lao động nữ. Tính trong cả nước, các KCN Đồng Nai có số lao động

cao nhất, chiếm 25% tổng số lao động trong các KCN toàn quốc. KCN là nơi tập trung đông lao động từ các địa phương, với thành phần đa dạng, mối quan hệ phức tạp, nên thường nảy sinh những vấn đề về tệ nạn xã hội, tội phạm. Nghiên cứu tình hình tội phạm ở các KCN trên địa bàn tỉnh Đồng Nai cho thấy mức độ gia tăng năm sau cao hơn năm trước về số vụ tội phạm và số người tham gia tội phạm qua các năm. Năm 2007, số vụ phạm tội là 112 vụ, 157 bị cáo; năm 2010 tương ứng là 147 và 213; năm 2015 tương ứng là 205 và 312; năm 2017 tương ứng là 207 và 296 [7]. Phân tích ngẫu nhiên 275 bản án ở KCN Đồng Nai cho thấy, trong các vụ phạm tội, thì đa số là tội xâm phạm sở hữu (68,7%), tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe (22,9%), tội xâm phạm trật tự công cộng, an toàn công cộng (4,7%) và các tội khác (3,7%) [7].

Một trong những vấn đề nổi cộm nữa là các tệ nạn xã hội ở các KCN. Theo thống kê, từ đầu năm đến nay ở Bắc Ninh đã xảy ra 128 vụ, Thái Nguyên 50 vụ, Vĩnh Phúc 32 vụ, Hải Dương 14 vụ và Hải Phòng 20 vụ. Bên cạnh đó, còn rất nhiều vấn đề liên quan đến an ninh, trật tự khác như: cố ý gây thương tích, đánh bạc, ma túy... [6]. Cùng với đó, tại một số KCN vẫn còn xảy ra tình trạng trộm cắp tài sản trong những nhà trọ của công nhân. Nguyên nhân do ý thức tự phòng ngừa, chống tội phạm trộm cắp của chính những bảo vệ, công nhân, người lao động chưa cao. Hệ thống nhà trọ dành cho người lao động hay công nhân ở ngoài KCN nhiều chỗ còn tạm bợ. Nhiều công nhân ở trọ xung quanh các KCN đi làm cả ngày vắng nhà, không ai trông coi nhà cửa nên dễ dàng bị đối tượng trộm cắp lợi dụng để ra tay trộm cắp tài sản.

Hộp 2. Khu công nghiệp Bắc Thăng Long

Đến nay, địa bàn đã có khoảng hơn 50 công ty sản xuất kinh doanh, hơn 5 vạn công nhân làm việc. Hơn 2 vạn công nhân đăng ký tạm trú tại xã Kim Chung. Với số công nhân lưu trú đông như vậy, việc quản lý gặp nhiều khó khăn, an ninh trật tự bị xáo trộn, môi trường ô nhiễm do lượng nước thải, rác thải quá lớn đến việc đi lại hàng ngày thường xuyên tắc nghẽn... trộm cắp thường xuyên xảy ra. Địa phương đã giao công an xã quản lý việc đăng ký tạm trú, nhà trọ, các hộ thuê trọ, kiểm tra hành chính hàng tháng, hàng quý. Vậy nhưng, nhiều khi có vụ việc mất trộm, gây rối mất trật tự công an xã mở đợt kiểm tra đột xuất giảm được một thời gian ngắn đầu lại vào đó!" (Chủ tịch UBND xã Kim Chung).

Trong khi số người nước ngoài đến làm việc tại các KCN, khu chế xuất, CCN đông nhưng công tác quản lý của cơ quan chức năng về đăng ký tạm trú, tạm vắng vẫn còn hạn chế. Ngoài ra, do yếu tố khách quan về khó khăn kinh tế, một số doanh nghiệp phá sản, giải thể, tái cơ cấu dẫn đến tình trạng

cắt giảm lao động, gây ra tình trạng thất nghiệp, khó khăn cho đời sống công nhân. Một số doanh nghiệp còn lợi dụng kẽ hở chính sách pháp luật, thực hiện pháp luật chưa nghiêm túc... gây khó khăn, bức xúc trong người lao động đã dẫn đến những sự việc đình công.

3. Giải pháp tăng cường quản lý xã hội ở khu công nghiệp

KCN có thể xem là hình ảnh thu nhỏ của xã hội, với đặc điểm có nhiều doanh nghiệp khác nhau, số lượng công nhân làm việc nhiều lên tới hàng vạn người, “mật độ công nhân” cao với các mối quan hệ xã hội bên trong và bên ngoài KCN rất phức tạp. Do vậy, quản lý xã hội ở KCN mang tính đặc thù, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa Ban quản lý KCN, doanh nghiệp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương nơi có KCN đang vận hành.

Thứ nhất, quản lý tranh chấp lao động, đình công. Để hạn chế tranh chấp lao động/đình công, công đoàn cần tích cực tham gia xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc; tăng cường đối thoại, thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể. Nâng cao tính chuyên nghiệp hoá và cải tổ để khích lệ việc hoà giải tranh chấp lao động như một sự lựa chọn hợp lý cho các bên nếu không muốn giải quyết tranh chấp lao động cá nhân tại toà án. Cụ thể là trao nhiều quyền và giá trị pháp lý hơn cho thủ tục hoà giải, biên bản hoà giải thành công sẽ có hiệu lực như một bản án hay quyết định của toà án. Để làm được điều này, cần tăng cường chất lượng và hiệu quả hoạt động của hoà giải viên lao động bằng cách tăng điều kiện bổ nhiệm và tăng số lượng đại diện của hoà giải viên, cụ thể là thêm hoà giải viên được mời từ tổ chức công đoàn, từ các trường đại học... Nghiêm chỉnh thực hiện 5 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chính trong Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 03 tháng 9 năm 2019

của Ban Bí thư Về xây dựng quan hệ lao động trong tình hình mới.

Để giảm thiểu tranh chấp xảy ra tại nơi làm việc, các bên liên quan có quyền thực hiện các bước để đạt được sự tôn trọng và tin tưởng giữa người lao động và bên quản lý. Bên cạnh đó, họ cũng có thể hành động để phòng ngừa bất đồng về khiếu nại phát sinh. Hệ thống quản lý tranh chấp của một quốc gia đóng vai trò quan trọng trong việc khuyến khích và hỗ trợ hợp tác tại nơi làm việc. Điều này có thể được thực hiện thông qua việc cung cấp thông tin, dịch vụ tư vấn và đào tạo do nhân viên Chính phủ thực hiện, hoặc thông qua các cơ quan được ủy nhiệm. Những can thiệp như vậy nên nỗ lực vì sự phát triển của các hệ thống phòng ngừa và giải quyết tranh chấp hiệu quả trong phạm vi doanh nghiệp, tập trung vào các thiết chế và quy trình thương lượng tập thể [10]. Đồng thời, các ngành chức năng và các công ty, doanh nghiệp phối hợp, thường xuyên trao đổi thông tin, tình hình kịp thời về hoạt động của các công ty và những dấu hiệu của các vụ việc đình công tập thể, lẫn công để công an huyện chủ động hơn nữa trong công tác phòng ngừa đảm bảo an ninh trật tự tại địa phương.

Thứ hai, quản lý ô nhiễm môi trường KCN. Cần rà soát, điều chỉnh, bổ sung hệ thống văn bản luật pháp, nhất là phân cấp quản lý môi trường KCN và công tác thanh tra môi trường. Cần có đánh giá tác động môi trường một cách khoa học, nghiêm túc. Thực hiện quy hoạch đồng bộ KCN gắn với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường, kiên quyết

thực hiện nguyên tắc “không đánh đổi môi trường vì kinh tế”. Tại các KCN, cần thành lập đơn vị/tổ chuyên trách về môi trường; các doanh nghiệp trong KCN thực hiện nghiêm túc các quy định bảo vệ môi trường, tự quan trắc môi trường và báo cáo định kỳ. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiên quyết không cho phép các KCN chưa hoàn thiện cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải đạt quy chuẩn kỹ thuật đi vào hoạt động. Trường hợp KCN đã đi vào hoạt động mà chưa hoàn thiện cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải bắt buộc phải hoàn thiện ngay. Đồng thời, Nhà nước cần xây dựng cơ chế hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư công nghệ xử lý chất thải mới và hiệu quả. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra vấn đề bảo vệ môi trường KCN. Hoạt động thanh tra, kiểm tra có thể báo trước, có kế hoạch hoặc thanh tra, kiểm tra đột xuất. Trong công tác này, trước hết cần phát huy vai trò của các Ban quản lý KCN, CCN. Việc phát hiện ra hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường cần được coi là một trong những trách nhiệm quan trọng của Ban quản lý KCN, CCN.

Thứ ba, quản lý tệ nạn xã hội ở KCN. Để hạn chế tệ nạn xã hội và tội phạm ở các KCN, việc phối kết hợp các bên có liên quan là rất quan trọng; chủ động phối hợp với các phòng nghiệp vụ, các ban, ngành chức năng, doanh nghiệp... nắm tình hình, tâm tư, nguyện vọng của cả chủ doanh nghiệp và công nhân, người lao động để từ đó có biện pháp giải quyết, không để xảy ra sự cố gây mất an ninh trật tự. Tăng cường phối hợp giữa Ban quản lý các KCN, khu chế xuất với chính quyền các huyện, xã

trong việc kiểm tra, xử lý các vụ liên quan đến an ninh trật tự xã hội ở các KCN. Xử lý nghiêm các tệ nạn xã hội, nhất là trộm cắp, nghiện hút, cờ bạc...

Nâng cao vai trò các tổ chức công đoàn trong các KCN, khu chế xuất, chăm lo, quan tâm giải quyết chế độ chính sách cho công nhân, người lao động để người lao động yên tâm làm việc, cống hiến. Phát huy tối đa vai trò của các lực lượng trong công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; duy trì và từng bước phát triển mạnh mẽ, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia giữ gìn an ninh trật tự. Các cấp công đoàn tập trung tuyên truyền các bộ luật và các văn bản pháp luật mới ban hành có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động; tuyên truyền về phương thức, thủ đoạn của từng loại tội phạm đến từng công nhân trong công ty hoặc các dãy phòng trọ nơi họ sinh sống để chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, tố giác tội phạm. Tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của đơn vị trong KCN ký cam kết thực hiện các nội quy, quy chế và xây dựng cơ quan đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo Thông tư 23/2012/TT-BCA quy định về nguyên tắc, tiêu chí, phân loại, trình tự, thủ tục, thẩm quyền xét duyệt, công nhận khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”.

4. Kết luận

Một trong những chỉ báo về công nghiệp hóa là sự phát triển của các KCN, khu

chế xuất với số lượng, quy mô và loại hình doanh nghiệp được vận hành. Ở Việt Nam hiện nay, các KCN đã và đang có nhiều đóng góp to lớn vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và mỗi vùng, địa phương, hình thành nên thể hệ công nhân/người lao động công nghiệp, đem lại sự thay đổi về điều kiện sống, dịch vụ xã hội cho cư dân ở vùng xung quanh các KCN. Tuy nhiên, phát triển KCN quá nhiều không chỉ dẫn đến chuyển đổi hàng vạn ha ruộng đất nông nghiệp, hàng triệu người nông dân ở độ tuổi trung niên không còn ruộng sản xuất, trong khi khó và không thể chuyển đổi nghề nghiệp, mà các KCN còn có những tác động trái chiều đến đời sống xã hội, như: ô nhiễm môi trường, tệ nạn xã hội và tội phạm. Đồng thời, nảy sinh mâu thuẫn trong quan hệ lao động giữa chủ doanh nghiệp và người lao động (tranh chấp lao động, đình công).

Như đã nói ở trên, KCN có thể xem là hình ảnh thu nhỏ của xã hội, nó phản ánh sự vận động của nhiều khía cạnh của đời sống xã hội đương đại. Vì thế, quản lý xã hội ở KCN tùy theo lĩnh vực “vấn đề xã hội” mà có các giải pháp quản lý xã hội khác nhau, với những nét riêng; nhưng đều rất cần có sự phối kết hợp của nhiều chủ thể: doanh nghiệp, tổ chức công đoàn, công nhân, chính quyền địa phương và người dân ở địa bàn xung quanh KCN. Chỉ khi nào có sự phối hợp tốt giữa các chủ thể này, thì quản lý xã hội ở KCN mới đạt được mục tiêu mong đợi.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Công an (2012), *Thông tư số 23/2012/TT-BCA về Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, phân loại, trình tự, thủ tục, thẩm quyền xét duyệt, công nhận khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”*, ngày 27 tháng 04.
- [2] Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2018), *Báo cáo quan hệ lao động năm 2017*, Hà Nội.
- [3] Bộ Tài nguyên và Môi trường (2019) *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 2018, Chuyên đề: Môi trường nước các lưu vực sông*, Nxb Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam, Hà Nội.
- [4] Chính phủ (2018), *Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 Quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế*, Hà Nội.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [6] Phan Hoạt (2018), “Tệ nạn xã hội bủa vây khu công nghiệp”, *Báo Công an nhân dân*, 19/07.
- [7] Lê Ngọc Quảng (2018), *Phòng ngừa tội phạm ở các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [8] Quốc hội (2019), *Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14*, ngày 20 tháng 11, Hà Nội.
- [9] Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai (2018), *Báo cáo thiệt hại thủy sản do ô nhiễm nước tại sông La Ngà*.
- [10] Tổ chức Lao động quốc tế - Trung tâm đào tạo quốc tế (2013), *Hệ thống phòng ngừa và giải quyết tranh chấp lao động - Hướng dẫn để cải thiện hiệu quả hoạt động*.